

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

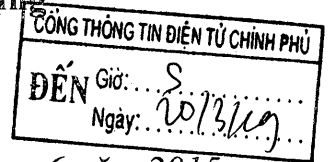
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 08 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE



Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 666/TTr-STC ngày 05 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành tỉnh: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: TC; TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PT-TH, Báo Đồng Khởi,
- CTTĐT, Ban tiếp công dân (niêm yết);
- Phòng N/c: TH, KT, TCĐT;
- Lưu: VT, Ph.



Cao Văn Trọng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tiếp nhận nguồn vốn, thực hiện ứng vốn, ứng chi hỗ trợ từ nguồn vốn Quỹ phát triển đất, hoàn trả vốn ứng và hoàn trả các khoản ứng chi hỗ trợ (sau đây gọi chung là tổ chức ứng vốn).

Điều 2. Nguyên tắc ứng vốn và chi hỗ trợ

1. Tổ chức ứng vốn, chi hỗ trợ phải có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định.

3. Hoàn trả đầy đủ cả gốc và phí (nếu có) đúng thời hạn ghi trên hợp đồng ứng vốn, chi hỗ trợ.

Điều 3. Điều kiện ứng vốn và chi hỗ trợ

1. Có dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được ngân sách nhà nước bố trí vốn thực hiện.

2. Có phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về mức hỗ trợ vốn.

4. Chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Có phương án sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng.

6. Nộp phí ứng vốn theo quy định (trừ vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ là do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được quản lý như sau:

a) Đối với kinh phí ngân sách nhà nước cấp, Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh để quản lý, sử dụng theo quy định.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định việc cho phép Quỹ mở tài khoản tại tổ chức tín dụng.

b) Đối với các khoản thu, chi về cung ứng dịch vụ, liên doanh, liên kết, Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh hoặc tổ chức tín dụng để quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Nguồn vốn của Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre và các tổ chức khác theo quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

a) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;

d) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;

đ) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;

e) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi;

g) Ứng vốn để thực hiện nhiệm vụ cấp bách của địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc cấp phát, hạch toán, thanh quyết toán kinh phí sử dụng nguồn vốn của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quy định về ứng vốn

1. Đối tượng ứng vốn là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre và các tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

2. Điều kiện ứng vốn: theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

b) Căn cứ vào tính cần thiết, cấp bách của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc ứng vốn từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ khác. Việc ứng vốn từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ và phải có phương án hoàn trả vốn ứng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo toàn nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

a) Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của đối tượng ứng vốn tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này và nguồn vốn hoạt động hiện có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn năm, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm.

Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch ứng vốn, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn điều chỉnh, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt.

b) Trên cơ sở kế hoạch vốn ứng năm, kế hoạch ứng vốn điều chỉnh đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, Quỹ thực hiện ứng vốn theo trình tự sau:

- Tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị kèm hồ sơ dự án (trong đó xác định rõ phương án hoàn trả vốn ứng) gửi Quỹ;

- Quỹ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

- Quỹ thực hiện ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn. Việc ứng vốn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào hồ sơ tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu thanh toán vốn ứng của dự án và nguồn vốn hoạt động hiện có của Quỹ.

5. Phí ứng vốn .

a) Khi ứng vốn cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

- Đối với ứng vốn để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, mức phí ứng vốn bằng không;

- Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không;

- Đối với vốn ứng để thực hiện nhiệm vụ có tính chất kinh doanh, mức phí ứng vốn bằng hai lần phí ứng vốn ngân sách nhà nước;

- Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước;

- Đối với vốn ứng đến hạn mà chưa được hoàn trả thì mức phí ứng vốn quá hạn được tính bằng lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm tính phí tạm ứng quá hạn.

b) Nguồn kinh phí để trả phí ứng vốn, phí ứng vốn quá hạn được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động và nguồn thu được phép sử dụng của tổ chức nhận vốn ứng.

Điều 7. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm g khoản 2 Điều 5 của Quy chế này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho

thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 5 của Quy chế này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Chương III CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 8. Cơ chế tài chính

Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động.

Điều 9. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động.

b) Phí ứng vốn theo quy định tại khoản 5, Điều 6 của Quy chế này;

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

Điều 10. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định.

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 11. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Triển khai thực hiện Quy chế

Quy chế này là cơ sở pháp lý cho việc quản lý và sử dụng của Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre và các tổ chức cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, Quỹ phát triển đất tỉnh Bến Tre có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét, quyết định./.



Cao Văn Trọng